

ẢNH HƯỞNG CỦA THỂ CHẾ VƯƠNG QUYỀN TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI TRIỀU TIÊN THỜI PHONG KIẾN (TỪ NỬA SAU THẾ KỲ I ĐẾN ĐẦU THẾ KỲ XX)

NGUYỄN THỊ TY

Khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Triều Tiên nằm trong quỹ đạo của các nước đồng văn với Trung Quốc, chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Trung Quốc – một trong những nền văn minh lâu đời nhất trên thế giới. Các triều đại phong kiến Triều Tiên từng bước tiếp thu nền văn hóa Trung Quốc, trong đó có thể chế vương quyền, thể chế chính trị coi quyền của vua là trên hết. Bài viết này làm rõ ảnh hưởng của thể chế vương quyền Trung Quốc đối với Triều Tiên thời phong kiến, thể hiện ở mô hình nhà nước, hệ tư tưởng Nho giáo và chế độ ruộng đất. Qua đó, bài báo khẳng định rằng mặc dù mô phỏng nhiều yếu tố từ Trung Quốc, thể chế vương quyền Triều Tiên thời phong kiến vẫn phản ánh được những giá trị truyền thống và bảo lưu được dấu ấn riêng của văn hóa dân tộc khi so sánh với các nước trong khu vực.

Từ khóa: Thể chế vương quyền, Trung Quốc, ảnh hưởng, Triều Tiên.

1. VỀ MÔ HÌNH NHÀ NƯỚC

Tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến Trung Quốc ngay từ khi vừa thành lập và trong suốt thời kỳ tồn tại là chính thể quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền. Trong chính thể này quyền lực của quốc gia phong kiến tập trung vào trong tay của nhà vua, quyền của vua là chí cao vô thượng; thực hiện chế độ nối ngôi vua cha (hoàng vị thế tập); tổ chức cơ cấu chính quyền quốc gia theo nguyên tắc “quân tôn thần ti” (bề tôi hết lòng tôn kính vua) [6, tr.107]. Chính thể nhà nước này đã được giai cấp phong kiến thống trị Triều Tiên học tập, mô phỏng theo và xem đó là điều kiện tiên quyết cho việc thiết lập và duy trì quyền cai trị chính thống của triều đình trong nước.

Từ nửa sau thế kỷ I, Triều Tiên bước sang chế độ phong kiến với thời kỳ Tam Quốc của ba vương quốc Koguryo, Paekche và Shilla. Các vương quốc đó đã chấp nhận và thông qua danh hiệu Vương (Vương) của Trung Quốc¹. Bộ máy nhà nước ở ba nước được tổ chức theo hình thức trung ương tập quyền [4, tr. 128]. Vua là người đứng đầu nhà nước, có quyền uy rất lớn về chính trị, kinh tế, tư pháp, tôn giáo. Vua là người sở hữu toàn bộ ruộng đất trong cả nước [1, tr.71]. Dưới vua là một hệ thống quan chức gồm 12 chức vụ ở Koguryo, 16 chức vụ ở Paekche và 17 chức vụ ở Shilla. Các chức vụ quan lại được phân biệt bởi màu sắc của y phục.

Trong hệ thống quan chức hành chính, ở bộ máy chính quyền trung ương có các quan lại phụ trách các bộ phận như phụ trách các việc của Hoàng gia, phụ trách tài chính, phụ trách về quân sự, giám sát các hoạt động của quan lại...

¹ Tước hiệu Vương (Vương) của Trung Quốc được các vị vua Kouryo tiếp thu từ thế kỷ II, Paekche tiếp thu vào thế kỷ III, các nhà cai trị Shilla cũng thông qua vào thế kỷ VI

Quyền lực của chính quyền trung ương còn vươn tới các địa phương. Các đơn vị hành chính được gọi là “Kun” (Quận). Một số được gom lại để thành lập những đơn vị hành chính lớn hơn (Tỉnh) mà ở Koguryo gọi là Pu, Paekche gọi là Paj, còn Shilla thì gọi là Chu.

Cùng với sự phát triển của quốc gia là sự tồn tại song song của tổ chức quân sự với tổ chức hành chính. Tổ chức quân sự cũng như thể chế chính trị được đặt dưới quyền lực của nhà vua. Nhà vua đồng thời là tổng tư lệnh các lực lượng quân sự cả nước [1, tr.88], trên thực tế các ông vua thường trực tiếp dẫn đầu quân và chiến đấu bên cạnh họ trong các trận đánh.

Khi Shilla thống nhất bán đảo (thế kỷ VII), vua Sinmun (618 – 692) tiến hành thiết lập lại thể chế chính trị, quân sự mà quyền lực của hoàng gia phải tập trung vào trong tay người đứng đầu nhà nước quân chủ. Cùng với sự củng cố quyền lực của nhà vua, những thay đổi còn diễn ra trong bộ máy chính quyền của trung ương. Về mặt hình thức, cấu trúc hành chính của chính quyền trung ương của Shilla tương tự như cấu trúc hành chính của chính quyền thời Tam Quốc. Ví dụ như một loạt các bộ như bộ quân sự, bộ tài chính, bộ lễ nghi, bộ thu thuế... chủ yếu vẫn được kiến lập như cũ. Tuy nhiên, vào năm 651, cơ quan hành chính cao nhất của chính quyền Shilla là Chacellung (còn gọi là Chipsabu) ra đời. Tổ chức này không chỉ đại diện cho quyền lợi của tầng lớp quý tộc mà còn là một dạng hội đồng hành pháp chịu trách nhiệm đối với mệnh lệnh của nhà vua. Điều đó cho thấy cấu trúc chính trị của Shilla thống nhất mang tính chất độc đoán hơn.

Để cai trị lãnh thổ rộng lớn, chính quyền trung ương phải thiết lập và quản lý các địa phương. Thời Shilla thống nhất, các đơn vị cơ bản trong hành chính địa phương lần lượt là Chu (Tỉnh), Kun (Quận), Hyon (Huyện). Đồng thời với việc tổ chức bộ máy hành chính, các vua Shilla còn đề ra các biện pháp để tổ chức lại hệ thống quân đội theo các đơn vị Sodang. Các Sodang hoạt động dưới sự kiểm soát trực tiếp của vua và đơn vị nào cũng phải có lời thề trung thành với vua.

Qua cách thức tổ chức bộ máy nhà nước của các quốc gia thời Tam Quốc và thời Shilla thống nhất chứng tỏ đây là một hệ thống chính quyền theo kiểu Tùy - Đường Trung Quốc, từ quyền lực tối cao trong bộ máy nhà nước tập trung trong tay nhà vua cho đến chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, rồi đến bộ máy chính quyền địa phương theo các đơn vị hành chính tỉnh, quận, huyện. Thậm chí, còn dùng y quan giống như y quan của Trung Quốc. [8, tr.361]. Như vậy, giai cấp thống trị Triều Tiên thực sự đã mô phỏng theo mô hình nhà nước thời Tùy Đường Trung Quốc để xây dựng nên bộ máy nhà nước cho mình.

Điều đáng nói là Triều Tiên dù học theo mô hình nhà nước Trung Quốc, song về mặt chức năng cơ cấu chính quyền trung ương và cách thức tổ chức bộ máy không phải lúc nào cũng hoàn toàn rập khuôn theo kiểu Tùy Đường. Có thể thấy được điều đó qua bộ máy nhà nước của vương quốc Parhae và sau này là vương quốc Koryo.

Về vương quốc Parhae, đây là vương quốc do người Koguryo thành lập sau khi Shilla thống nhất toàn bộ lãnh thổ các nước thời Tam Quốc, vùng Mãn Châu rộng lớn nằm dưới sự kiểm soát của Koguryo trước kia vẫn còn ở ngoài sự kiểm soát của Shilla. Tại

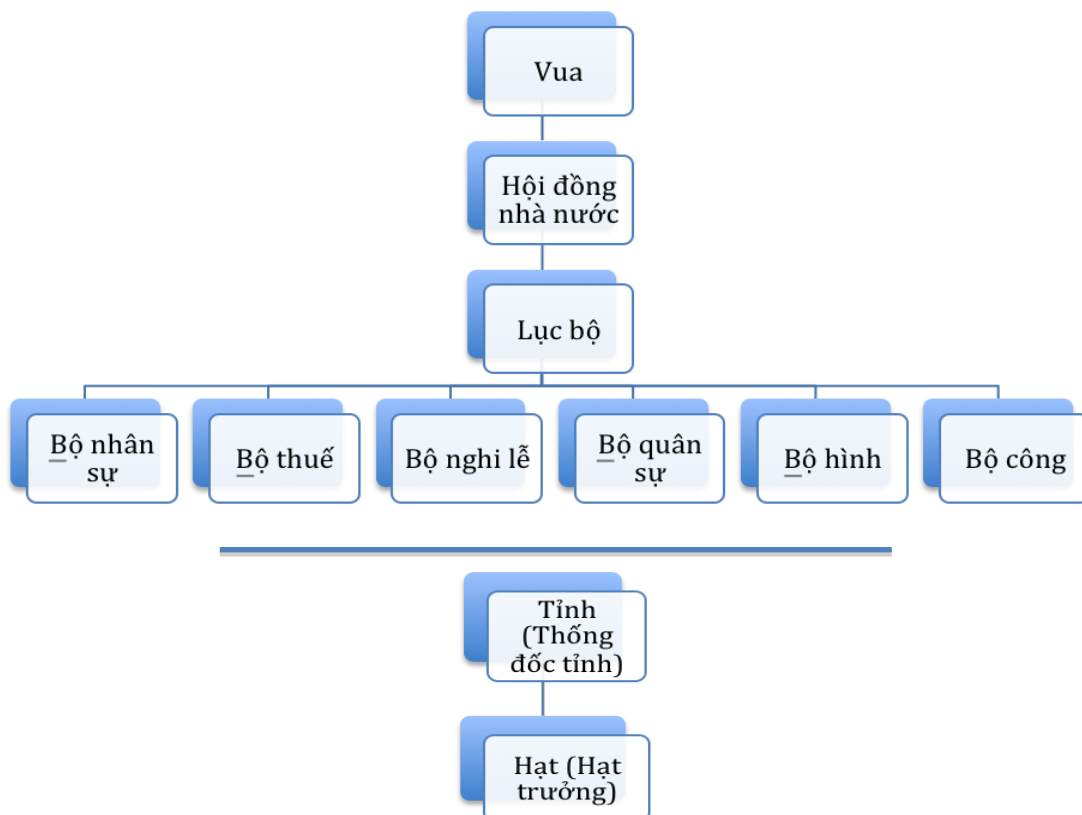
đây, những người tị nạn từ Koguryo đã thành lập nên vương quốc mới của mình là vương quốc Parhae vào năm 698. Tổ chức chính quyền cơ bản của chính quyền trung ương Parhae bao gồm 3 phủ: Chongdangson (giải quyết những vấn đề cơ bản của quốc gia); Sonjosong (đóng vai trò thư ký, thông qua đó các sắc lệnh được ban hành và nắm quyền kiểm tra quân sự); Chungdaesong (có trách nhiệm thực hiện chính sách và báo cáo lại kết quả). Cùng với ba phủ trên là 6 bộ: Chungbu (phụ trách nhân sự); Inbu (phụ trách tài chính); Uibu (phụ trách nghi lễ); Chibu (phụ trách quân sự); Yebu (phụ trách luật pháp); Sinbu (Phụ trách các việc công cộng). Rõ ràng đây là một hệ thống chính quyền theo kiểu nhà Đường Trung Quốc (Tam Tỉnh, Lục Bộ). Nhưng có một điểm khác là người đứng đầu Chongdangsong giữ một vị trí rất lớn, bên cạnh viên quan lại này có hai người tả và hữu đứng đầu 2 phủ kia. Như vậy, về mặt chức năng cơ cấu chính quyền trung ương Parhae không hoàn toàn rập khuôn theo kiểu Đường.

Thời Koryo (918 – 1392), thiết chế nhà nước quân chủ chuyên chế tiếp tục được duy trì. Đứng đầu bộ máy nhà nước vẫn là vua với quyền lực vô hạn từ chính trị cho đến quân sự, kinh tế...Giúp việc cho vua là một hệ thống quan lại từ trung ương cho đến địa phương. Cơ cấu chính quyền trung ương đặt ra Nội Lại Môn Hạ Tỉnh để lo việc hành chính và có nhiệm vụ tư vấn hoặc khuyên nhà vua; đặt ra Thượng Thư Đô Tỉnh để trông nom toàn bộ các sự vụ về hành chính, bên dưới đặt 6 bộ lại, lễ, binh, hình, công (về sau thay đổi gọi là Lục Quan, Lục Tào) [3, tr.384]. Qua cách tổ chức cơ cấu trung ương, ta thấy nhà nước Koryo mặc dù tiếp nhận mô hình Tam Tỉnh Lục Bộ của Đường Tống, song chỉ lập ra Nhị Tỉnh Lục Bộ, tức chỉ có Nội Lại Môn Hạ Tỉnh (hợp nhất Trung thư Tỉnh và Môn Hạ Tỉnh). Ngoài ra, thời Koryo còn đặt thêm Ngự sử đài để phụ trách việc sửa sai và tố cáo, Hàn Lâm Viện để lo về việc văn thư, Trung Khu Viện để xử lý mọi vấn đề quan trọng về quân sự...

Sang triều Chosun (1392 – 1910), giống như nhà nước tập quyền chuyên chế thời Minh – Thanh của Trung Quốc, chính quyền thời Chosun hoàn toàn tập trung cao độ trong tay nhà vua. Cơ quan quyền lực cao nhất của nền hành chính Chosun là Hội đồng nhà nước, song mọi quyết định của cơ quan này đều phải được trình lên nhà vua xem xét lại và phê chuẩn. Dưới Hội đồng nhà nước là 6 bộ (Bộ Nhân sự, Bộ Thuế, Bộ Nghi lễ, Bộ Quân sự, Bộ Hình, Bộ Công). Các Bộ này ngoài những việc trực thuộc sự chỉ đạo của Hội đồng nhà nước thì có những quyền lực riêng, thuộc trực tiếp sự chỉ đạo của nhà vua, nên dần dần các Bộ trưởng của 6 bộ này cũng hoạt động như những cố vấn của nhà vua, làm lu mờ Hội đồng nhà nước.

Rõ ràng ảnh hưởng của mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế thời Tùy Đường, Tống Minh Trung Quốc đối với nhà nước Triều Tiên từ thời Tam Quốc, Shilla thống nhất cho đến Koryo và Chosun là hết sức sâu sắc. Với thể chế vương quyền thì quyền vua là trên hết. Vua là người nắm mọi quyền lực tối cao, quan lại các cấp đều là tôi tớ của vua. Hệ thống quan lại được tổ chức hai cấp, cấp trung ương và cấp địa phương với đẳng cấp phân minh, biên chế chặt chẽ. Những quan lại của hai cấp chính quyền này là đại biểu của vua và thông qua họ, nhà vua có thể kiểm soát được toàn quốc, toàn dân, nhờ đó mà thể chế vương quyền càng được củng cố.

Mô hình nhà nước thời Chosun (tác giả xây dựng dựa trên nguồn tài liệu: Nguyễn Văn Ánh – Đỗ Đình Hằng – Lê Đình Chinh (1996), *Hàn Quốc, lịch sử - văn hóa*, NXB Văn hóa).



2. VỀ HÊ TƯ TƯỢNG NHO GIÁO

Nho giáo là cơ sở tư tưởng của nhà nước phong kiến tập quyền Trung Quốc. Từ đời Tần đến đầu đời Hán, Nho giáo bị coi thường, thậm chí bị đả kích dữ dội. Song từ đời Hán Vũ Đế (140 – 87 TCN) trở đi, Nho giáo đã trở thành công cụ sắc bén phục vụ cho thể chế vương quyền phong kiến với quan điểm mọi việc trên thế gian này do Trời quyết định, cho nên mọi người phải làm theo ý Trời, có nghĩa là phải phục tùng nhà vua, vì vua thay Trời trị dân. Nói cách khác, do đặc trưng cơ bản của chế độ chính trị và tư tưởng chính trị truyền thống của Trung Quốc là “quyền vua cao nhất”. Trung quân là cốt lõi của mọi trật tự xã hội và quan hệ xã hội, cho nên Nho giáo là vũ khí tư tưởng không thể thiếu được của thể chế vương quyền.

Cùng với việc mô phỏng mô hình nhà nước Trung Quốc, người Triều Tiên cũng tiếp nhận hệ tư tưởng Nho giáo từ khá sớm. Ngay từ thời kỳ Tam Quốc, Nho giáo được coi như một phương tiện nhằm duy trì trật tự xã hội của giai cấp quý tộc. Năm 372, Koguryo thành lập Viện Khổng học quốc gia và học thuyết của đạo Khổng được dùng làm tài liệu giảng dạy ở đây [5, tr.84]. Tại nhà Thái học, người ta giảng dạy lịch sử, văn hóa, võ thuật dựa trên nền tảng là sách Ngũ Kinh của Nho giáo. Đây là việc đào tạo một tầng

lớp tinh hoa vẫn vô kiêm toàn, nhưng nó cũng cho thấy tư tưởng Nho học đã trở thành hệ tư tưởng thống trị của quốc gia ở một mức độ nào đó.

Sau Koguryo, đến Paekche và Shilla chấp nhận Nho giáo. Sự ra đời của Viện Khổng học quốc gia vào năm 682 ở Shilla là một trong những biểu hiện của sự phát triển Nho giáo ở quốc gia này.[7, tr.97] Ở đây các giá trị đạo đức của Khổng giáo được truyền bá rộng rãi trong nhân dân. Lòng trung thành (rút ra từ thuyết trung với vua của đạo Khổng) có giá trị đặc biệt trong kết cấu xã hội ở Shilla và tạo cho Shilla một sức mạnh quan trọng để thống nhất bán đảo thời kỳ sau.

Giai đoạn đầu của Shilla thống nhất, lấy quan niệm trung hiếu làm trung tâm, kết hợp với vương quyền nên đã tạo dựng được thể chế tập quyền rất mạnh. Ở vương quốc Shilla có một kiểu tổ chức quân đội theo các đơn vị gọi là Hwarang (Anh hoa hiệp sĩ). Trong lời huấn thị theo kiểu điều lệnh răn dạy binh sĩ có 5 điều cơ bản: Phục vụ vua trung thành; Phụng sự cha mẹ hiếu thảo; Tình nghĩa với đồng đội, bạn bè; Không bỏ chạy trong chiến đấu; Không giết chóc bừa bãi. Như vậy 5 điều răn, có ba điều thuộc về tư tưởng Trung, Hiếu, Nghĩa, vốn là những nội dung quan trọng của đạo Nho.

Đến thời Koryo (918 -1392), Nho giáo phát triển mạnh, lấn át Phật giáo. Trong quá trình đó, vua Seongjong đã coi các quan điểm Nho giáo là quan điểm chỉ đạo cho các công việc quốc gia, thậm chí đã loại bỏ các nghi lễ Phật giáo.

Nho giáo được đưa lên vị thế độc tôn dưới thời Chosun, Tân Nho giáo (Tính lý học) là một chi phái của Nho giáo bàn về bản tính con người và vương quyền. Tân Nho giáo nhấn mạnh đến vương quyền và lòng trung thành tuyệt đối của thân dân đối với nhà cai trị khiến cho thể chế vương quyền càng được củng cố.

Có thể nói hệ tư tưởng Nho giáo có vai trò rất to lớn đối với thể chế vương quyền. Đặc biệt, với sự ra đời của nền giáo dục và khoa cử Nho học đã trở thành trợ thủ đắc lực trong việc đào tạo và tuyển chọn quan lại phục vụ cho bộ máy nhà nước theo thể chế vương quyền. Để làm rõ điều đó, chúng ta sẽ xét thêm về sự ảnh hưởng của con đường tuyển chọn quan lại từ Khoa cử thời Tùy Đường Trung Quốc đối với Triều Tiên

Để tăng cường cơ chế thống trị trung ương tập quyền, cần phải có hệ thống quan lại từ trung ương cho đến địa phương, kết cấu thành hình một cái tháp. Các cấp quan lại chỉ nghe theo mệnh lệnh của vua, hạ cấp tuyệt đối phục tùng thượng cấp, do đó, việc tuyển chọn quan lại đóng một vai trò vô cùng quan trọng.

Trải qua nhiều thay đổi về hình thức tuyển chọn quan lại², thời Tùy Đường chế độ khoa cử ra đời [2, tr.282]. Sự ra đời của chế độ khoa cử thời kỳ này để đáp ứng với nhu cầu của cơ cấu chính quyền càng ngày càng to lớn, đồng thời cũng để thích ứng với nhu cầu của thể chế trung ương tập quyền, việc tuyển chọn quan lại bây giờ cần vận hành theo một cơ chế hoàn chỉnh, quyền tuyển chọn quan lại thuộc về chính phủ trung ương, đứng

² Trước khi dùng Khoa cử thời Tùy Đường., ở Trung Quốc có nhiều cách để tuyển chọn quan lại thông qua tiến cử như chế độ Chiêu mộ, Dưỡng sĩ và Quân công thời Xuân Thu – Chiến Quốc; Chiêu cử, Sát cử và Trung dụng trong thời Hán; chế độ Cử phẩm trung chính thời Ngụy Tấn Nam Bắc Triều

đầu là vua. Hình thức tuyển chọn quan lại này diễn ra tập trung trong toàn quốc và thống nhất từ các kỳ thi cho đến nội dung thi cử, tất cả đều nhằm mục đích phục vụ cho một nền chính trị vương quyền.

Triều Tiên bắt đầu thực thi theo chế độ khoa cử giống Trung Quốc vào năm thứ 9, đời vua Kwangjong, tức năm 958, nhằm đào tạo nhân tài mới làm việc cho chính quyền trung ương, đồng thời nhà vua muốn xây dựng vương quyền vững mạnh hơn hẳn các thế lực hào trưởng địa phương [1, tr.126]. Tới đầu thế kỷ XII thì hàng ngũ quan lại qua khoa cử ở Koryo đã ổn định theo cấp bậc từ trung ương đến địa phương. Đến thời Chosun, chế độ khoa cử ngày càng được tổ chức một cách qui cũ, hoàn thiện.

Chế độ khoa cử để tuyển chọn quan lại của Triều Tiên mô phỏng theo khoa cử của Trung Quốc từ khoa mục thi, trình tự tiến hành, nội dung thi cử, yêu cầu tư cách thí sinh, nghi thức yết bảng, chế độ đãi ngộ... Chẳng hạn như thời kỳ Chosun, thi cử được tổ chức đều đặn ba năm một lần, thi tiểu khoa vào những năm tị, ngọ, mao, dậu; thi đại khoa vào những năm thìn, tuất, sửu, mùi. Thi tiểu khoa được tổ chức vào mùa thu, thi đại khoa được tổ chức vào mùa xuân năm sau. Mỗi kỳ thi đại khoa tuyển chọn 33 người đỗ tiến sĩ, sau đó vào diện thí, tức thi Đình để chọn ra 3 người đỗ đầu, gọi là Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa. Nhà nước sẽ bổ nhiệm 33 người đỗ đại khoa vào những chức quan thích hợp và họ thực sự đứng vào hàng ngũ Yangban (quý tộc).

Như vậy, ta thấy mục đích khoa cử của triều đình Koryo và Chosun là tuyển dụng nhân tài. Mục đích của nho sinh là thi cử, đỗ đạt, ra làm quan. Song quan trọng là trong quá trình đào tạo và thi cử, các triều đình phong kiến Triều Tiên nhắm đến mục đích là đào tạo ra một tầng lớp kẻ sĩ hết lòng trung quân ái quốc, không dao động, ngả nghiêng, thờ vua nọ chúa kia, mọi hành vi ứng xử phải nghiêm chỉnh theo lễ giáo, lễ nghi. Vì vậy, nội dung thi cử bị giới hạn trong kinh sách của Nho gia như Tứ Thư, Ngũ Kinh. Với hệ thống khoa cử này đảm bảo rằng các quan chức chính phủ có hệ tư tưởng Nho giáo, đặc biệt nhấn mạnh đạo đức và lòng trung thành với nhà vua, thích ứng với thể chế vương quyền.

3. VỀ CHẾ ĐỘ RUỘNG ĐẤT

Cơ sở cho sự tồn tại của thể chế vương quyền là quyền sở hữu của nhà nước về ruộng đất mà đứng đầu là vua. Ở Trung Quốc, về danh nghĩa vua là chủ sở hữu tối cao toàn bộ ruộng đất trong nước. Trên cơ sở quyền sở hữu của mình, nhà vua đã ban cấp cho quý tộc quan lại làm bổng lộc và chia cho nông dân cày cấy để thu tô thuế. Thời Tùy Đường, trong các chính sách xử lý ruộng đất công, đáng chú ý nhất là chế độ *Quân điền*. Tuy về qui định cụ thể, chế độ quân điền của hai triều đại đó có khác nhau ít nhiều nhưng tinh thần chung của chế độ đó là nhà nước chia ruộng đất cho nông dân cày cấy theo hai hình thức, ruộng khẩu phần (ruộng trồng lúa) phải trả lại cho nhà nước năm 60 tuổi và ruộng vĩnh nghiệp (ruộng trồng dâu) được truyền cho con cháu, sau đó nông dân phải thực hiện nghĩa vụ thuế khóa và lao dịch. Còn các quan lại tùy theo chức vụ cao thấp được cấp ruộng đất làm bổng lộc. Chế độ ruộng đất này đã được nhiều nước học tập, mô phỏng theo.

Ở Triều Tiên, trên cơ sở vận dụng chế độ *Quân điền* của thời kỳ Tùy – Đường Trung Quốc, nhà nước phong kiến Triều Tiên đã thi hành các chế độ *Đinh điền*, *Điền sai khoa*, *Khoa điền pháp*, *Chức điền* để quản lý quỹ đất công của nhà nước.

Cụ thể, thời Shilla thống nhất, ruộng đất thuộc quyền sở hữu của nhà nước, đứng đầu là vua, trên cơ sở đó tiến hành ban cấp ruộng đất cho quý tộc, công thần và nhà chùa Phật giáo. “Đối với nông dân, năm 722, nhà nước thi hành chế độ “đinh điền” đem ruộng đất chia cho nông dân để thu tô, dung, điệu” [1, tr.118]. Như vậy, về cơ bản, chế độ ruộng đất thời Shilla gần như rập khuôn theo chế độ quân điền thời Đường của Trung Quốc. Điều này cũng vô cùng dễ hiểu vì trong thời kỳ này, triều đình Shilla đã cử rất nhiều đoàn sứ giả sang Trung Quốc, họ nghiên cứu, học tập, cố gắng bắt chước và áp dụng những chính sách của nhà Đường, trong đó có chế độ ruộng đất. Với chính sách này đảm bảo nông dân và nhà nước đều có lợi. Nông dân có ruộng đất để cày cấy, nhà nước đảm bảo được nguồn thuế khóa và lao dịch, củng cố cho chế độ chính trị trung ương tập quyền.

Đến thời Koryo, cũng trên cơ sở nắm quyền sở hữu toàn bộ ruộng đất trong nước, để tăng cường hơn nữa quyền lực của chính quyền trung ương, vào năm 976, vua KyongJong đã cho ra đời một bản thảo của Luật đất trả lương nhằm tạo ra những biện pháp củng cố kinh tế cho hệ thống quan chức trung ương, luật này có qui định rõ ràng và có hiệu lực vào năm 998 dưới triều vua Mokchong.

Luật đất đai trả lương còn được gọi là chế độ Điền sai khoa. Theo chế độ này, nhà nước chia quan văn võ ra làm nhiều Khoa³ để ban cấp cho một số ruộng đất để canh tác (điền) và một số đất rừng núi (sai) với số lượng khác nhau, còn nông dân nhận ruộng khẩu phần của nhà nước và nộp tô $\frac{1}{4}$ sản phẩm làm được.

Ruộng đất mà quan lại được ban cấp chỉ được quyền thu thuế, chứ không có quyền sở hữu và không được quyền để lại cho con cháu. Riêng chỉ có ruộng “Công ẩm điền sai” ban cho những vị khai quốc công thần, những thổ hào qui hàng triều đình Koryo thì được truyền cho con cháu.

Sang thời Chosun, năm 1391 Yi Songgye⁴ ban hành chế độ ruộng đất mới là “Khoa điền pháp”. Nhà nước căn cứ theo phẩm hàm và chức vụ cao thấp chia làm 18 loại để cấp ruộng (gọi là Khoa điền), binh lính được cấp ruộng đất ở các địa phương (gọi là quân điền), bộ phận ruộng đất còn lại do nhà nước trực tiếp quản lý rồi đem chia cho nông dân cày cấy để thu thuế. Nhà chùa còn được giữ lại một ít ruộng đất nhưng cũng phải nộp thuế cho nhà nước.

“Khoa điền pháp” của triều Chosun lúc đầu tạm thời hạn chế được tình trạng cướp giật ruộng đất, mở rộng được nguồn thu thuế và nguồn trưng binh cho quốc gia, qua đó, tăng cường được quyền lực của chính quyền trung ương.

³ Thời vua Kyongjong (976 – 981) chia quan lại văn võ và binh lính ra làm 79 phẩm để căn cứ theo phẩm mà cấp ruộng đất. Do sự phân chia phẩm trật này quá vụn vặt, phức tạp, nên đến đời vua Mokchong (998 -1009) chia các quan văn võ thành 18 Khoa để qui định tiêu chuẩn hưởng Điền Sai.

⁴ Yi Song gye (sau này gọi là vua Taejo) là một viên tướng thời các triều vua Kong Min, Kong Min II và Kyonyang, đã ép buộc vua Kyonyang thoái vị năm 1392, lập nên vương triều Chosun của họ Yi Triều Tiên.

Tuy nhiên, khác với “Điền sai khoa” của thời Koryo, ruộng đất theo chế độ “Khoa điền pháp” cho phép người được ban cấp ruộng đất có quyền cha truyền con nối dù phạm tội vẫn không bị thu hồi, vì vậy khi quý tộc trong lưỡng ban tiến hành cướp đoạt ruộng đất của dân chúng ngày càng nhiều khiến ruộng đất tư phát triển nhanh chóng buộc vua Sejo bãi bỏ “Khoa điền pháp” vào năm 1466, thi hành chế độ “Chức điền”, tức nhà vua ban cấp cho những quan lại đương chức một số ruộng đất nhất định để thu thuế, song chế độ này về sau cũng không hiệu quả.

Như vậy, chế độ đất đai của các triều đại phong kiến Triều Tiên từ thời Shilla, Koryo cho đến Chosun tuy khác nhau ít nhiều về qui định, song vẫn có những điểm chung vì tất cả chính sách ruộng đất của các vương triều đó đều xuất phát trên cơ sở mô phỏng từ chế độ “Quân điền” của thời Tùy – Đường Trung Quốc. Tựu trung lại ruộng đất thuộc quyền sở hữu của nhà nước phong kiến, đứng đầu là vua. Nhà nước đem ruộng đất do mình trực tiếp quản lý chia cho nông dân cày cấy, thu tô thuế. Các quan lại, tùy theo chức vụ cao thấp được cấp ruộng đất làm bổng lộc. Với cách xử lý ruộng đất công này sẽ hạn chế được phần nào tình trạng chấp chiếm ruộng đất của tầng lớp quý tộc, đảm bảo được nguồn thuế, binh dịch và lao dịch của quốc gia, chính quyền trung ương được tăng cường. Rõ ràng chế độ ruộng đất này vừa là cơ sở cho chế độ vương quyền, vừa là biểu hiện của chế độ vương quyền.

3. VỀ CHẾ ĐỘ RUỘNG ĐẤT

Sau khi tìm hiểu ảnh hưởng của thể chế vương quyền Trung Quốc đối với Triều Tiên thời phong kiến, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, Triều Tiên là một nước do những hoàn cảnh lịch sử cụ thể, vốn nằm trong vùng văn hóa cường bức của Trung Quốc trong một thời gian dài. Vì vậy, trong phần lớn lịch sử của mình, Triều Tiên đã chịu ảnh hưởng rất sâu sắc từ nền văn hóa này. Trong rất nhiều thành tố mà Triều Tiên tiếp thu, vay mượn, mô phỏng có thể chế vương quyền phong kiến Trung Quốc – một thể chế nhà nước đứng đầu là vua và sự tập trung quyền lực vô hạn vào trong tay nhà vua, với một ý thức hệ chính trị Nho giáo cùng với cơ sở cho sự tồn tại của nó là chế độ sở hữu lớn về chế độ ruộng đất của nhà nước.

Thứ hai, để lý giải cho tư tưởng mô phỏng Trung Quốc (tư tưởng mohwa – sasang) của Triều Tiên về thể chế vương quyền cần được xem xét một cách toàn diện. Đối với Trung Quốc, với thể chế vương quyền được thực thi trong thời kỳ phong kiến, đặc biệt trong thời kỳ Tùy Đường đã khiến chính quyền tập trung hết sức hiệu quả và đáng tin cậy, sự giàu có và quyền lực to lớn nhà Đường đã khiến các nước trong khu vực, trong đó có Triều Tiên vô cùng ngưỡng mộ hệ thống cai trị ấy. Vì vậy, về phía giai cấp thống trị Triều Tiên, việc mô phỏng thể chế vương quyền được xem là điều kiện tiên quyết cho việc thiết lập và duy trì quyền cai trị chính thống của triều đình trong nước. Có thể nói sự lựa chọn thiết chế chính trị theo mô hình Trung Quốc của Triều Tiên là lựa chọn có tính tất yếu vì khi xây dựng chế độ phong kiến – một bước tiến trong lịch sử nhân loại thì mô hình Trung Quốc là mô hình chính trị kiểu mẫu của thế giới Á Đông, do vậy, học theo mô hình Trung Quốc là một trong những cách làm khôn khéo, là con đường

ngắn nhất để Triều Tiên phát triển đất nước, hòa vào bước tiến chung của các quốc gia phát triển thời phong kiến.

Thứ ba, mặc dù Triều Tiên được ví là một “nhà nhập khẩu” hão hức của văn hóa và thể chế Trung Quốc, mô hình chính quyền thời Tùy Đường và Nho giáo được thông qua như là một ý thức hệ chính trị, song điều này không dẫn người Triều Tiên đến việc đánh mất bản sắc riêng biệt. Trong quá trình mô phỏng mô hình quản lý chính phủ từ Trung Quốc, họ đã biến truyền thống tiếp thu, vay mượn này thành những hình thức rõ rệt của Triều Tiên, nhiều cơ quan trong bộ máy nhà nước từ trung ương cho đến địa phương được cải tổ, một số cơ quan mới trong bộ máy nhà nước được thành lập để phù hợp với sự thay đổi của tình hình chính trị trong các vương triều. Quan điểm trung với vua là trước tiên trong hệ tư tưởng Nho giáo đôi lúc có sự hoán đổi vị trí với hiếu với cha mẹ. Sự trung thành với nhà Vua được nhắc đến thông qua việc cư xử có hiếu với cha mẹ, đồng thời “Hiếu là để thờ Vua”. Nói cách khác, tuy tiếp thu thể chế vương quyền của Trung Quốc, người Triều Tiên vẫn thể hiện rõ sự tự tôn, sáng tạo của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Ánh – Đỗ Đình Hằng – Lê Đình Chinh (1996). *Hàn Quốc, lịch sử - văn hóa*, NXB Văn hóa.
- [2] Ngô Vinh Chính (Cb) (1994). *Đại cương lịch sử văn hóa Trung Quốc*, NXB Văn hóa thông tin.
- [3] Lưu Minh Hàn (cb) (2002). *Lịch sử thế giới thời trung cổ*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Nguyễn Gia Phú – Nguyễn Văn Ánh – Đỗ Đình Hằng – Trần Văn La (1994). *Đại cương Lịch sử thế giới trung đại, tập II*, NXB Giáo dục.
- [5] Nguyễn Trường Tân (2011). *Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc*, NXB Văn hóa thông tin.
- [6] Trường Đại học Luật Hà Nội (2003). *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới*, NXB Công an Nhân dân.
- [7] Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội (1996). *Tương đồng văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc*, NXB Văn hóa thông tin.
- [8] Il Yeon (Nhất Nhiên) (2012). *Tam Quốc di sự*, NXB Văn hóa - Văn nghệ.

Title: THE INFLUENCE OF CHINA’S AUTOCRACY TO KOREA’S FEUDAL GOVERNMENT (FROM THE SECOND HALF OF THE 1ST CENTURY TO THE BEGINNING OF THE 20TH CENTURY)

Abstract: Korea is one of the Asian countries in the influence periphery of Chinese culture - one of the longest continuous civilizations in human history. Thus, Korean’s feudal dynasty slowly and creatively acquired Chinese culture, including the autocracy system, which is also known as the absolute monarchy. In this kind of government system, a single person - the king, exercises lordship over a polity. This paper will focus on how China’s autocracy affected Korea feudal government in terms of government operation, Confucian ideology and values, and agrarian models. Thereby, the article asserts that although simulating many elements from China, Korea’s feudal government still reflects traditional values and preserves its own imprint of the national culture when compared to other countries in the region.

Keywords: Autocracy, China, Influence, Korea.